

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

(đã được kiểm toán)



CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

Số 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú, quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-32
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10-32



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty TNHH Một thành viên Cảng Cần Thơ (công ty 100% vốn nhà nước) theo Quyết định số 652/QĐ-HHVN ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1801319907 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp lần đầu ngày 31 tháng 10 năm 2013, đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 19 tháng 04 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú, quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lâm Tiến Dũng	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Văn Bá	Ủy viên	
Ông Nguyễn Văn Phương	Ủy viên	
Ông Phạm Bá Ngân	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 27/06/2020
Ông Hoàng Việt	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 27/06/2020
Ông Phan Công Đức	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 27/06/2020

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Phương	Quyền Tổng Giám đốc
Ông Tạ Khả Duy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Tiến Công	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Hồng Hải	Trưởng ban	
Ông Trịnh Thanh Tùng	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Dung	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27/06/2020
Ông Nguyễn Văn Hiền	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27/06/2020

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hăng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

Số 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú, quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính Phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.



Nguyễn Văn Phương

Q. Tổng Giám đốc

Cần Thơ, ngày 22 tháng 02 năm 2021

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ được lập ngày 22 tháng 02 năm 2021, từ trang 06 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 được kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính này tại ngày 26/03/2020.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biển

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2021

Nguyễn Tuấn Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1369-2018-002-1

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠSố 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú,
quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020*

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		68.517.892.302	69.280.392.280
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	12.510.512.474	15.586.510.135
111	1. Tiền		8.089.354.413	13.556.314.857
112	2. Các khoản tương đương tiền		4.421.158.061	2.030.195.278
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		8.787.350.000	8.787.350.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4	8.787.350.000	8.787.350.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		43.316.885.978	42.364.902.731
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	31.264.867.787	29.127.217.799
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	3.742.184.329	4.811.900.549
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	14.554.692.213	15.728.680.701
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(6.244.858.351)	(7.302.896.318)
140	IV. Hàng tồn kho	9	1.143.448.892	1.070.805.759
141	1. Hàng tồn kho		1.143.448.892	1.070.805.759
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		2.759.694.958	1.470.823.655
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	1.041.693.573	874.685.939
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		785.520.455	596.137.716
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	932.480.930	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		294.603.768.641	304.304.981.324
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		72.000.000	120.485.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	72.000.000	120.485.000
220	II. Tài sản cố định		211.621.739.770	222.963.721.557
221	1. Tài sản cố định hữu hình	13	206.793.097.641	217.958.991.620
222	- Nguyên giá		450.022.184.254	445.537.916.964
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(243.229.086.613)	(227.578.925.344)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	4.828.642.129	5.004.729.937
228	- Nguyên giá		8.055.335.602	8.055.335.602
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.226.693.473)	(3.050.605.665)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		74.252.722.837	73.318.854.447
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	74.252.722.837	73.318.854.447
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		4.497.251.573	4.497.251.573
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	4	4.497.251.573	4.497.251.573
260	VI. Tài sản dài hạn khác		4.160.054.461	3.404.668.747
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	4.160.054.461	3.404.668.747
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		363.121.660.943	373.585.373.604

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠSố 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú,
quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ**Báo cáo tài chính**


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN


Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		101.128.908.001	112.945.808.996
310	I. Nợ ngắn hạn		20.254.096.374	16.275.411.166
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	1.006.124.555	1.023.788.928
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		282.186.006	90.166.572
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	161.187.716	864.063.785
314	4. Phải trả người lao động		1.092.631.540	1.710.177.360
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	1.853.511.256	4.244.541.403
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	15	105.840.000	165.840.000
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	16	6.344.130.878	7.947.212.622
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	9.400.000.000	221.136.073
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		8.484.423	8.484.423
330	II. Nợ dài hạn		80.874.811.627	96.670.397.830
337	1. Phải trả dài hạn khác	16	24.457.490.099	21.453.076.302
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	56.417.321.528	75.217.321.528
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		261.992.752.942	260.639.564.608
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	261.992.752.942	260.639.564.608
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		275.281.179.597	275.281.179.597
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		275.281.179.597	275.281.179.597
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		646.231.180	646.231.180
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(13.934.657.835)	(15.287.846.169)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(15.287.846.169)	(19.234.837.974)
421b	LNST chưa phân phối năm nay		1.353.188.334	3.946.991.805
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		363.121.660.943	373.585.373.604


Thái Thị Mỹ Linh
 Người lập


Lâm Trúc Sơn
 Kế toán trưởng


Nguyễn Văn Phương
 Q. Tổng Giám đốc


Cần Thơ, ngày 22 tháng 02 năm 2021


CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠSố 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú,
quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ**Báo cáo tài chính**


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH*Năm 2020*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	112.564.820.588	113.790.377.438
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		112.564.820.588	113.790.377.438
11	4. Giá vốn hàng bán	23	86.539.345.290	94.365.995.276
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		26.025.475.298	19.424.382.162
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	1.185.981.580	2.241.481.237
22	7. Chi phí tài chính	25	3.234.413.797	-
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		3.234.413.797	-
25	8. Chi phí bán hàng	26	797.411.130	921.500.635
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	22.539.806.707	25.670.709.469
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		639.825.244	(4.926.346.705)
31	11. Thu nhập khác	28	719.464.616	8.992.012.736
32	12. Chi phí khác		6.101.526	118.674.226
40	13. Lợi nhuận khác		713.363.090	8.873.338.510
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.353.188.334	3.946.991.805
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29	-	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>1.353.188.334</u>	<u>3.946.991.805</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		49	143


Thái Thị Mỹ Linh
 Người lập


Lâm Trúc Sơn
 Kế toán trưởng


Nguyễn Văn Phương
 Q. Tổng Giám đốc

Cần Thơ, ngày 22 tháng 02 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠSố 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú,
quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**Năm 2020***(Theo phương pháp gián tiếp)*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		1.353.188.334	3.946.991.805
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		15.826.249.077	16.090.849.419
03	- Các khoản dự phòng		(1.058.037.967)	1.918.681.306
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(1.046.691)	(64.328)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.184.934.889)	(2.241.416.909)
06	- Chi phí lãi vay		3.234.413.797	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		18.169.831.661	19.715.041.293
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(1.272.921.433)	2.980.659.777
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(72.643.133)	(350.341.362)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(5.430.178.719)	(16.437.823.093)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(922.393.348)	1.894.361.972
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		10.471.695.028	7.801.898.587
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(5.418.135.680)	(2.414.922.110)
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.490.532.373	1.068.894.691
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(3.927.603.307)	(1.346.027.419)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		-	56.416.677.596
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(9.621.136.073)	(56.416.677.596)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(9.621.136.073)	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(3.077.044.352)	6.455.871.168
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		15.586.510.135	9.130.574.639
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		1.046.691	64.328
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm		12.510.512.474	15.586.510.135

Thái Thị Mỹ Linh
Người lậpLâm Trúc Sơn
Kế toán trưởngNguyễn Văn Phương
Q. Tổng Giám đốc

Cần Thơ, ngày 22 tháng 02 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Năm 2020***1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty TNHH Một thành viên Cảng Cần Thơ (công ty 100% vốn nhà nước) theo Quyết định số 652/QĐ-HHVN ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1801319907 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp lần đầu ngày 31 tháng 10 năm 2013, đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 19 tháng 04 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú, quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 284.800.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 275.281.179.597 đồng; tương đương 27.528.118 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là: 84 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là: 88 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là cung cấp dịch vụ vận chuyển cảng.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Bốc xếp hàng hóa đường bộ; Bốc xếp hàng hóa cảng biển;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan, kho đông lạnh (kho ngoại quan) và kho khác;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải ven biển, viễn dương và vận tải đường thủy nội địa;
- Dịch vụ đại lý tàu biển; Dịch vụ đại lý vận tải đường biển; Khai thuế hải quan;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ - Trung tâm Logistics Cảng Sóc Trăng

Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ - Cảng Hoàng Diệu (*)

Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ - Cảng Cái Cui (*)

Địa chỉ

Sóc Trăng

Thành phố Cần Thơ

Thành phố Cần Thơ

Hoạt động kinh doanh chính

Cung cấp dịch vụ vận chuyển cảng, cho thuê kho bãi

Cung cấp dịch vụ vận chuyển cảng, cho thuê kho bãi

Cung cấp dịch vụ vận chuyển cảng, cho thuê kho bãi

(*) Theo các quyết định số 23/QĐ-HĐQT ngày 31/12/2019 và số 134/QĐ-HĐQT ngày 22/10/2020 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ về việc phê duyệt phương án sắp xếp lại mô hình tổ chức của Công ty, Công ty quyết định sáp nhập 02 chi nhánh là Chi nhánh Công ty Cảng Cần Thơ - Cảng Cái Cui và Chi nhánh Công ty Cảng Cần Thơ - Cảng Hoàng Diệu về Văn phòng của Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ từ ngày 01/01/2020 và ngày 31/10/2020.

Thông tin về công ty liên doanh của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác và các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên doanh: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính công ty liên doanh tại thời điểm trích lập dự phòng;
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 47	năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 20	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 06	năm
- Tài sản cố định khác	02 - 14	năm
- Quyền sử dụng đất	20 - 50	năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05	năm

2.11 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.13 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.14 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.15 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.16 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.17 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.18 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty;
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.19 . Doanh thu***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.20 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.21 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí đi vay vốn.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.22 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**a) Chi phí thuế TNDN hiện hành**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

2.23 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

Số 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú,
quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

2.24 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.25 . Thông tin bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh dịch vụ vận chuyển cảng và chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	2.266.722.533	2.287.249.861
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.822.631.880	11.269.064.996
Các khoản tương đương tiền (*)	4.421.158.061	2.030.195.278
	12.510.512.474	15.586.510.135

(*) Tại ngày 31/12/2020, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng có giá trị 4.421.158.061 VND được gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam với lãi suất 3%/năm.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Tại thời điểm cuối năm và đầu năm, số dư chỉ tiêu "Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn" là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong lãi suất 5,8%/năm.

b) Đầu tư vào công ty liên doanh

Tại thời điểm cuối năm và đầu năm, số dư chỉ tiêu "Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết" là khoản đầu tư vào Công ty TNHH Cảng Cần Thơ - Thanh Tuấn có tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết là 50%. Công ty liên doanh được thành lập và hoạt động tại tỉnh Trà Vinh, hoạt động kinh doanh chính là kinh doanh dịch vụ vận chuyển cảng, cho thuê kho bãi. Tại thời điểm cuối năm và đầu năm, dự phòng giảm giá của khoản đầu tư bằng không.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

Số 2, KV Phú Thẳng, phường Tân Phú, quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
- Công ty Nhiệt điện Duyên Hải - Chi nhánh Tổng Công ty Phát điện 1	4.892.787.116	-	-	-
- Công ty TNHH Thanh Phương	3.088.469.004	-	1.747.847.070	-
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Trường Sơn	2.111.551.525	-	3.014.569.331	(726.719.174)
- Công ty TNHH Duyên Hải Star	1.258.658.646	-	884.465.272	-
- Công ty TNHH Kỹ thuật Môi trường Bắc Nam	935.057.590	(280.517.277)	935.057.590	-
- Công ty Cổ phần Cơ khí Hàng hải Miền Bắc	600.000.000	-	1.173.000.000	(536.500.000)
- Phải thu các đối tượng khác	18.378.343.906	(4.778.296.546)	21.372.278.536	(4.853.632.616)
	31.264.867.787	(5.058.813.823)	29.127.217.799	(6.116.851.790)
b) Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan				
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)	-	-	119.077.200	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠSố 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú,
quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH Đầu tư xây dựng TMDV Thiên Phước	814.869.891	-	-	-
- Công ty TNHH Xây dựng Quân Đô	625.500.000	(625.500.000)	625.500.000	(625.500.000)
- Công ty Cổ phần Giải pháp Cảng và Hậu cần	331.160.000	-	403.160.000	-
- Các nhà cung cấp khác	1.970.654.438	(278.000.000)	3.783.240.549	(278.000.000)
	3.742.184.329	(903.500.000)	4.811.900.549	(903.500.000)

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về lợi nhuận được chia	4.292.185.443	-	4.542.185.443	-
Phải thu về lãi tiền gửi	429.753.135	-	485.350.619	-
Tạm ứng	6.047.474.928	-	4.579.380.149	-
Ký cược, ký quỹ	8.600.000	-	8.600.000	-
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	16.645.200	-	348.101.000	-
Công ty TNHH Thanh Phương	968.659.911	-	1.611.535.840	-
Phải thu các đội bốc xếp	1.816.614.820	-	3.436.192.143	-
Phải thu khác	974.758.776	(282.544.528)	717.335.507	(282.544.528)
	14.554.692.213	(282.544.528)	15.728.680.701	(282.544.528)
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	15.000.000	-	15.000.000	-
Phải thu khác	57.000.000	-	105.485.000	-
	72.000.000	-	120.485.000	-
c) Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan				
	4.308.830.643	-	4.890.286.443	-

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠSố 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú,
quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

8 . NỢ XẤU

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán				
- Công ty TNHH MTV Q&D	631.331.990	-	631.331.990	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển nhà Phúc Cường	645.000.000	-	645.000.000	-
- Công ty TNHH Kỹ thuật Môi trường Bắc Nam	935.057.590	654.540.313	-	-
- Công ty TNHH Xây dựng Quân Đô	625.500.000	-	625.500.000	-
- Công ty Cổ phần Chế biến lâm sản xuất khẩu Hưng Phú	255.071.282	-	255.071.282	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy Sơn - HG	855.149.053	256.544.716	985.149.053	295.544.716
- Các khoản khác	3.533.113.260	324.279.795	6.138.857.302	1.682.468.593
	7.480.223.175	1.235.364.824	9.280.909.627	1.978.013.309

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	114.880.577	-	26.913.736	-
Công cụ, dụng cụ	285.490.162	-	303.102.730	-
Hàng hoá	743.078.153	-	740.789.293	-
	1.143.448.892	-	1.070.805.759	-

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Công trình Cảng Cái Cui giai đoạn I (*)	59.433.908.642	59.433.908.642
- Công trình Cảng Cái Cui giai đoạn II (**)	14.570.130.142	13.592.491.259
- Công trình khác	248.684.053	292.454.546
	74.252.722.837	73.318.854.447

(*) Tên dự án: Xây dựng công trình Cảng Cái Cui giai đoạn I

- Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Cần Thơ;
- Mục đích xây dựng: San lấp mặt bằng 23,4ha, tăng cường khai thác tốt nhất tiềm năng của mọi đầu giao lưu hàng hải trung tâm của khu vực đồng bằng sông Cửu Long, tạo động lực thúc đẩy nhanh quá trình phát triển kinh tế trước hết cho thành phố Cần Thơ;
- Địa điểm xây dựng: Phường Tân Phú, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ;
- Tổng mức đầu tư: 230.346.967.886 đồng;
- Thời gian bắt đầu triển khai và dự kiến hoàn thành: Từ năm 2002 đến năm 2011;
- Tình trạng của dự án tại thời điểm 31/12/2020: Dự án đã hoàn thành và đưa vào khai thác đối với phần diện tích 9,5 ha, đối với phần diện tích đất còn lại dự án mới thực hiện việc san lấp mặt bằng và xây dựng bờ kè, chưa được đầu tư cơ sở hạ tầng cần thiết cho hoạt động của cảng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠSố 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú,
quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

() Tên dự án: Xây dựng công trình Cảng Cái Cui giai đoạn II**

- Chủ đầu tư: Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam;
- Mục đích xây dựng: Xây dựng phát triển Cảng Cái Cui với công suất từ 4,0 - 4,5 triệu tấn/ năm, tiếp nhận tàu trọng tải đến 20.000DWT, tăng cường khai thác tốt nhất tiềm năng của mọi đầu giao lưu hàng hải trung tâm của khu vực đồng bằng sông Cửu Long, tạo động lực thúc đẩy nhanh quá trình phát triển kinh tế trước hết cho thành phố Cần Thơ;
- Địa điểm xây dựng: Phường Tân Phú, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ;
- Tổng mức đầu tư: 829.799.174.000 đồng;
- Thời gian bắt đầu triển khai: Từ năm 2009;
- Tình trạng của dự án tại thời điểm 31/12/2020: Dự án mới triển khai việc san lấp mặt bằng và thực hiện một số hạng mục nhỏ.

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	7.803.335.602	252.000.000	8.055.335.602
Số dư cuối năm	<u>7.803.335.602</u>	<u>252.000.000</u>	<u>8.055.335.602</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	2.823.805.665	226.800.000	3.050.605.665
- Khấu hao trong năm	150.887.808	25.200.000	176.087.808
Số dư cuối năm	<u>2.974.693.473</u>	<u>252.000.000</u>	<u>3.226.693.473</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	4.979.529.937	25.200.000	5.004.729.937
Tại ngày cuối năm	<u>4.828.642.129</u>	<u>-</u>	<u>4.828.642.129</u>

Trong đó: Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 252.000.000 đồng.

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	329.600.543	432.379.209
Chi phí sửa chữa tài sản	247.587.745	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	464.505.285	442.306.730
	<u>1.041.693.573</u>	<u>874.685.939</u>
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.005.314.216	842.743.657
Chi phí sửa chữa tài sản	1.672.100.687	1.481.441.281
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.482.639.558	1.080.483.809
	<u>4.160.054.461</u>	<u>3.404.668.747</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

Số 2, KV Phú Thẳng, phường Tân Phú, quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

13 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tài sản cố định khác		Cộng	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Nguyên giá												
Số dư đầu năm	362.728.196.878		11.436.735.972		70.080.185.214		472.610.000		820.188.900		445.537.916.964	
- Mua trong năm	-		385.272.728		-		532.105.000		-		917.377.728	
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	437.664.106		3.129.225.456		-		-		-		3.566.889.562	
Số dư cuối năm	363.165.860.984		14.951.234.156		70.080.185.214		1.004.715.000		820.188.900		450.022.184.254	
Giá trị hao mòn lũy kế												
Số dư đầu năm	167.841.409.330		6.913.679.355		52.015.050.507		469.776.685		339.009.467		227.578.925.344	
- Khấu hao trong năm	11.611.019.490		805.469.962		3.082.894.902		63.803.675		86.973.240		15.650.161.269	
Số dư cuối năm	179.452.428.820		7.719.149.317		55.097.945.409		533.580.360		425.982.707		243.229.086.613	
Giá trị còn lại												
Tại ngày đầu năm	194.886.787.548		4.523.056.617		18.065.134.707		2.833.315		481.179.433		217.958.991.620	
Tại ngày cuối năm	183.713.432.164		7.232.084.839		14.982.239.805		471.134.640		394.206.193		206.793.097.641	

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 10.920.947.980 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 43.933.063.068 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠSố 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú,
quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
		nợ		nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty Cổ phần Đầu tư XNK Xăng dầu Nhà Bè VT	291.900.000	291.900.000	-	-
- Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	276.196.815	276.196.815	-	-
- Công ty TNHH PTN	100.290.960	100.290.960	-	-
- Các nhà cung cấp khác	337.736.780	337.736.780	1.023.788.928	1.023.788.928
	<u>1.006.124.555</u>	<u>1.006.124.555</u>	<u>1.023.788.928</u>	<u>1.023.788.928</u>
b) Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan				
	<u>276.196.815</u>	<u>276.196.815</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)

15 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

Số dư chỉ tiêu "Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn" tại thời điểm cuối năm và đầu năm là số tiền nhận trước về cho thuê kho, văn phòng.

16 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	81.483.180	27.623.688
- Bảo hiểm y tế	229.311	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.395.486.650	1.140.686.650
- Phải trả Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	4.500.000.000	6.165.297.279
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	366.931.737	613.605.005
	<u>6.344.130.878</u>	<u>7.947.212.622</u>
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.199.558.200	1.429.558.200
- Phải trả lãi vay Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	3.234.413.797	-
- Ủy ban Nhân dân Thành phố Cần Thơ - Vốn Ngân sách đầu tư (*)	20.023.518.102	20.023.518.102
	<u>24.457.490.099</u>	<u>21.453.076.302</u>
c) Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan	<u>7.734.413.797</u>	<u>6.165.297.279</u>

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)

(*) Khoản phải trả này là khoản nợ còn lại liên quan đến việc nhận bàn giao dự án "Xây dựng công trình Cảng Cái Cui giai đoạn I. (Xem thuyết minh số 10)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

Số 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú, quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	762.442.050	4.560.449.341	5.161.703.675	-	161.187.716
Thuế Thu nhập cá nhân	-	964.035	-	964.035	-	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	100.657.700	5.365.621.397	6.398.760.027	932.480.930	-
Các loại thuế khác	-	-	124.863.133	124.863.133	-	-
	-	864.063.785	10.050.933.871	11.686.290.870	932.480.930	161.187.716

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

18 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Chi phí cước vận chuyển bốc xếp	1.853.511.256	3.649.031.764
- Chi phí khác chưa có đầy đủ hóa đơn chứng từ	-	595.509.639
	1.853.511.256	4.244.541.403

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

Số 2, KV Phú Thới, phường Tân Phú, quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

19 . CÁC KHOẢN VAY

	01/01/2020		Trong năm		31/12/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn	221.136.073	221.136.073	-	221.136.073	-	-
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	-	-	14.100.000.000	4.700.000.000	9.400.000.000	9.400.000.000
Tổng công ty Hàng hải Việt Nam (*)	-	-	14.100.000.000	4.700.000.000	9.400.000.000	9.400.000.000
	<u>221.136.073</u>	<u>221.136.073</u>	<u>14.100.000.000</u>	<u>4.921.136.073</u>	<u>9.400.000.000</u>	<u>9.400.000.000</u>
b) Vay dài hạn						
Tổng công ty Hàng hải Việt Nam (*)	75.217.321.528	75.217.321.528	-	9.400.000.000	65.817.321.528	65.817.321.528
	<u>75.217.321.528</u>	<u>75.217.321.528</u>	<u>-</u>	<u>9.400.000.000</u>	<u>65.817.321.528</u>	<u>65.817.321.528</u>
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	-	-	(14.100.000.000)	(4.700.000.000)	(9.400.000.000)	(9.400.000.000)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	<u>75.217.321.528</u>	<u>75.217.321.528</u>			<u>56.417.321.528</u>	<u>56.417.321.528</u>

(*) Căn cứ Văn bản thỏa thuận về việc nhận nợ và hoàn trả tiền cho bên bảo lãnh không hủy ngang cho các nghĩa vụ trả nợ bao gồm nợ gốc, lãi trong hạn, lãi phạt quá hạn và các nghĩa vụ tài chính khác ngày 30/09/2019 và số 02/2019 ngày 30/12/2019, trong năm 2019, Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam đã thanh toán hộ Công ty toàn bộ khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - chi nhánh Chương Dương, bao gồm nợ gốc là 56.416.677.596 VND và nợ lãi là 18.800.643.932 VND, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Bên cho vay: Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam;
- + Số tiền vay: 75.217.321.528 VND;
- + Mục đích vay: Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam bảo lãnh không hủy ngang cho các nghĩa vụ trả nợ bao gồm nợ gốc, lãi trong hạn, lãi phạt quá hạn và các nghĩa vụ tài chính khác phát sinh từ Hợp đồng Cấp tín dụng dài hạn số 03/2009/HDDTDDH/NHTMCPCTCD-VINALINES ngày 27/10/2009. Khoản vay này để thanh toán các chi phí thực hiện bước 1 theo "Điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình Cảng Cái Cui - giai đoạn II".
- + Thời hạn của hợp đồng: 8 năm;
- + Lãi suất cho vay: 4,5%/năm;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 65.817.321.528 VND. Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả là 9.400.000.000 VND;
- + Số dư nợ lãi vay tại thời điểm cuối năm là 3.234.413.797 VND;
- + Các biện pháp bảo đảm tiền vay: thế chấp toàn bộ tài sản và quyền đòi nợ của Cảng Cần Thơ với các hợp đồng kinh tế liên quan đến việc cho thuê kho, bãi, cầu cảng phát sinh ở thời điểm hiện tại và trong tương lai.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠSố 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú,
quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	275.281.179.597	646.231.180	(19.234.837.974)	256.692.572.803
Lãi trong năm trước	-	-	3.946.991.805	3.946.991.805
Số dư cuối năm trước	<u>275.281.179.597</u>	<u>646.231.180</u>	<u>(15.287.846.169)</u>	<u>260.639.564.608</u>
Số dư đầu năm nay	275.281.179.597	646.231.180	(15.287.846.169)	260.639.564.608
Lãi trong năm nay	-	-	1.353.188.334	1.353.188.334
Số dư cuối năm nay	<u>275.281.179.597</u>	<u>646.231.180</u>	<u>(13.934.657.835)</u>	<u>261.992.752.942</u>

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	99,01%	272.566.179.597	99,01%	272.566.179.597
Các cổ đông khác	0,99%	2.715.000.000	0,99%	2.715.000.000
	<u>100%</u>	<u>275.281.179.597</u>	<u>100%</u>	<u>275.281.179.597</u>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	275.281.179.597	275.281.179.597
- Vốn góp đầu năm	275.281.179.597	275.281.179.597
- Vốn góp cuối năm	<u>275.281.179.597</u>	<u>275.281.179.597</u>

d) Cổ phiếu

	31/12/2020	01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	27.528.118	27.528.118
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	27.528.118	27.528.118
- Cổ phiếu phổ thông	27.528.118	27.528.118
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	27.528.118	27.528.118
- Cổ phiếu phổ thông	27.528.118	27.528.118
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Quỹ đầu tư phát triển	646.231.180	646.231.180
	<u>646.231.180</u>	<u>646.231.180</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠSố 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú,
quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

21 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**a) Tài sản thuê ngoài**

Công ty ký các hợp đồng thuê đất với UBND Thành phố Cần Thơ với mục đích sản xuất kinh doanh. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước. Cụ thể như sau:

STT	Vị trí	Diện tích	Thời gian thuê
1	Số 2 Phú Thắng, Phường Tân Phú, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ	218.624 m ²	50 năm từ ngày 16/8/2007 đến ngày 16/8/2057
2	Số 27 Lê Hồng Phong, Phường Trà An, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ	29.342 m ²	42 năm 4 tháng từ ngày 07/9/2007 đến ngày 13/12/2049
3	Số 27 Lê Hồng Phong, Phường Trà An, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ	28.764,1 m ²	30 năm từ ngày 22/7/1997 đến ngày 22/7/2027
4	Số 27 Lê Hồng Phong, Phường Trà An, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ	3.729,4 m ²	50 năm từ ngày 22/01/2009 đến ngày 22/01/2059

b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2020	01/01/2020
Đồng đô la Mỹ (USD)	1.742,12	1.759,72

22 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	12.599.702.596	15.932.550.666
Doanh thu cung cấp dịch vụ	99.965.117.992	97.857.826.772
	112.564.820.588	113.790.377.438
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)	-	108.252.000

23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	11.895.164.712	15.214.871.318
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	74.644.180.578	79.151.123.958
	86.539.345.290	94.365.995.276
Trong đó: Giá vốn mua từ các bên liên quan	625.155.300	-

24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi	784.934.889	668.959.019
Cổ tức, lợi nhuận được chia	400.000.000	1.572.522.218
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	1.046.691	-
	1.185.981.580	2.241.481.237
Trong đó: Doanh thu hoạt động tài chính nhận từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)	400.000.000	1.572.522.218

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠSố 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú,
quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền vay	3.234.413.797	-
	3.234.413.797	-
Trong đó: Chi phí hoạt động tài chính trả cho các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)	3.234.413.797	-

26 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2020	Năm 2019 (trình bày lại)
	VND	VND
Chi phí nhân công	501.905.648	461.155.944
Chi phí khấu hao tài sản cố định	176.180.196	211.391.628
Chi phí dịch vụ mua ngoài	104.635.480	210.105.792
Chi phí khác bằng tiền	14.689.806	38.847.271
	797.411.130	921.500.635

27 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2020	Năm 2019 (trình bày lại)
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	121.282.318	193.146.365
Chi phí nhân công	13.151.468.804	12.876.247.605
Chi phí khấu hao tài sản cố định	745.608.375	838.006.661
Thuế, phí, lệ phí	18.000.000	11.208.000
Chi phí dự phòng (hoàn nhập) dự phòng	(1.058.037.967)	1.918.681.306
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.619.410.571	2.688.384.108
Chi phí khác bằng tiền	5.942.074.606	7.145.035.424
	22.539.806.707	25.670.709.469
Trong đó: Chi phí quản lý doanh nghiệp mua của các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)	7.363.635	-

28 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Công nợ đã đối chiếu không phải thanh toán	514.652.102	-
Thu tiền phạt	187.905.537	-
Chi phí lãi vay được miễn giảm	-	8.925.244.267
Thu nhập khác	16.906.977	66.768.469
	719.464.616	8.992.012.736

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠSố 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú,
quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

29 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.353.188.334	3.946.991.805
Các khoản điều chỉnh giảm	(1.353.188.334)	(3.946.991.805)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(400.000.000)	(1.572.522.218)
- Chuyển lỗ các năm trước	(953.188.334)	(2.374.469.587)
Thu nhập chịu thuế TNDN	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)	-	-

30 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	1.353.188.334	3.946.991.805
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	1.353.188.334	3.946.991.805
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	27.528.118	27.528.118
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	49	143

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

31 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2020	Năm 2019 (Trình bày lại)
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.188.735.526	1.955.098.455
Chi phí nhân công	21.174.003.544	20.729.816.272
Chi phí khấu hao tài sản cố định	15.826.249.077	16.134.702.128
Chi phí dịch vụ mua ngoài	41.182.204.678	50.838.025.101
Chi phí khác bằng tiền	15.208.296.487	14.210.863.509
	95.579.489.312	103.868.505.465

32 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

		Giá trị sổ kế toán	
		31/12/2020	01/01/2020
		Giá gốc	Giá gốc
		VND	VND
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.510.512.474	-	15.586.510.135
Phải thu khách hàng, phải thu khác	45.504.546.165	(5.341.358.351)	44.976.383.500
Các khoản cho vay	8.787.350.000	-	8.787.350.000
66.802.408.639	(5.341.358.351)	69.350.243.635	(6.399.396.318)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠSố 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú,
quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	65.817.321.528	75.438.457.601
Phải trả người bán, phải trả khác	31.807.745.532	30.424.077.852
Chi phí phải trả	1.853.511.256	4.244.541.403
	99.478.578.316	110.107.076.856

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠSố 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú,
quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u> VND	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u> VND	<u>Trên 5 năm</u> VND	<u>Cộng</u> VND
Tại ngày 31/12/2020				
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.510.512.474	-	-	12.510.512.474
Phải thu khách hàng, phải thu khác	40.091.187.814	72.000.000	-	40.163.187.814
Các khoản cho vay	8.787.350.000	-	-	8.787.350.000
	61.389.050.288	72.000.000	-	61.461.050.288
Tại ngày 01/01/2020				
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.586.510.135	-	-	15.586.510.135
Phải thu khách hàng, phải thu khác	38.456.502.182	120.485.000	-	38.576.987.182
Các khoản cho vay	8.787.350.000	-	-	8.787.350.000
	62.830.362.317	120.485.000	-	62.950.847.317

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u> VND	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u> VND	<u>Trên 5 năm</u> VND	<u>Cộng</u> VND
Tại ngày 31/12/2020				
Vay và nợ	9.400.000.000	56.417.321.528	-	65.817.321.528
Phải trả người bán, phải trả khác	7.350.255.433	24.457.490.099	-	31.807.745.532
Chi phí phải trả	1.466.497.421	-	-	1.466.497.421
	18.216.752.854	80.874.811.627	-	99.091.564.481
Tại ngày 01/01/2020				
Vay và nợ	221.136.073	75.217.321.528	-	75.438.457.601
Phải trả người bán, phải trả khác	8.971.001.550	21.453.076.302	-	30.424.077.852
Chi phí phải trả	4.244.541.403	-	-	4.244.541.403
	13.436.679.026	96.670.397.830	-	110.107.076.856

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠSố 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú,
quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

33 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

34 . NGHIỆP VỤ VÀ SỔ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty TNHH Cảng Cần Thơ - Thanh Tuấn	Công ty liên doanh
Ông Lâm Tiến Dũng	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Văn Bá	Ủy viên Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Văn Phương	Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Q. Tổng Giám đốc
Ông Phạm Bá Ngân	Ủy viên Hội đồng quản trị
Ông Hoàng Việt	Ủy viên Hội đồng quản trị
Ông Tạ Khả Duy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Tiến Công	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Công Đức	Ủy viên Hội đồng quản trị (miễn nhiệm từ ngày 27/06/2020)

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau: (riêng đối với các khoản vay với các bên liên quan được nêu chi tiết tại thuyết minh số 19.)

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	108.252.000
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	-	108.252.000
Mua hàng	625.155.300	-
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	625.155.300	-
Doanh thu hoạt động tài chính	400.000.000	1.572.522.218
Lợi nhuận được chia từ Công ty TNHH Cảng Cần Thơ - Thanh Tuấn	400.000.000	1.572.522.218
Chi phí hoạt động tài chính	3.234.413.797	-
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	3.234.413.797	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	7.363.635	-
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	7.363.635	-

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	-	119.077.200
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	-	119.077.200
Phải thu khác	4.308.830.643	4.890.286.443
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	16.645.200	348.101.000
Công ty TNHH Cảng Cần Thơ - Thanh Tuấn	4.292.185.443	4.542.185.443
Phải trả người bán ngắn hạn	276.196.815	-
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	276.196.815	-
Phải trả khác	7.734.413.797	6.165.297.279
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	7.734.413.797	6.165.297.279

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

Số 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú,
quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Thu nhập của Ông Lâm Tiến Dũng	312.000.000	312.000.000
Thu nhập của Ông Nguyễn Văn Bá	264.000.000	264.000.000
Thu nhập của Ông Nguyễn Văn Phương	288.000.000	288.000.000
Thu nhập của Ông Phạm Bá Ngân	-	-
Thu nhập của Ông Hoàng Việt	-	-
Thu nhập của Ông Tạ Khả Duy	240.000.000	240.000.000
Thu nhập của Ông Lê Tiến Công	240.000.000	240.000.000
Thu nhập của Ông Phan Công Đức	202.400.000	264.000.000

35 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY kiểm toán.

		
Thái Thị Mỹ Linh	Lâm Trúc Sơn	Nguyễn Văn Phương
Người lập	Kế toán trưởng	Q. Tổng Giám đốc
Cần Thơ, ngày 22 tháng 02 năm 2021		

